

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2018/HS-ST**
Ngày 19 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Quyên;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thị Phương A (tên gọi khác B), sinh ngày 21/10/1971 tại huyện A, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Lê Văn K, sinh năm 1936 và bà Ngô Thị H (chết); có chồng tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và có 01 con sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tốt;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2018 cho đến nay;

Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Hồ Bích H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bà Võ Thị T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1969, nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Kim T, sinh năm 1966.

2. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1967.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 22/01/2018, sau khi nhận được tin báo tại nhà bà Lê Kim T, ngụ ấp A, xã P, huyện A đang đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức chơi số đề. Lực lượng Công an xã P, huyện A tiến hành đến địa điểm trên kiểm tra, bắt quả tang Lê Thị Phương A đang ghi đề, nên tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, bắt giữ A và thu giữ các tang vật, dụng cụ dùng vào việc chơi số đề gồm:

- 01 (một) cây viết mực màu tím.
- 01 (một) tờ phoi đề có in số thứ tự từ 00 đến 99 màu đỏ.
- 01 (một) cùi lai ghi đề đã sử dụng.
- 01 (một) tờ giấy lịch có ghi số đề.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung, màu trắng.
- 02 (hai) giấy than (giấy cal).
- Tiền 3.450.000 đồng.

Qua điều tra, xác định: Khoảng giữa tháng 01/2018, Lê Thị Phương A được một người nữ tên Tuyết giới thiệu với ông X cư trú tại ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Tà Keo, Campuchia thỏa thuận về việc bán số đề để được nhận tiền “huê hồng”.

Từ ngày 17/01/2018, A ghi số bán cho người dân khu vực ấp P, xã P và người dân Campuchia. Theo thỏa thuận giữa ông X và A trong khoảng thời gian 16 giờ hàng ngày A phải tập hợp các số bán trong ngày thông báo cho ông X biết (qua điện thoại của ông X gọi đến) và chờ kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long mở thưởng vào khoảng 16 giờ 20 phút hàng

ngày để theo dõi việc thắng thua mà chung chi tiền. Sau đó, ông X trích “huê hồng” cho bị cáo theo thỏa thuận như sau:

Số đầu và lô B (hai số cuối lô đặc biệt) tỷ lệ 1 trúng 90;

Số lô tỷ lệ 1 trúng 80; theo kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long quy định có 18 lô, nhưng bán cho người chơi chỉ tính tiền 15 lô;

Đối với số đá hình thức chơi 2 số cuối của 18 lô đá nhau tỷ lệ 1 trúng 700;

Bị can được trích “huê hồng” 90.000 đồng trên 1.000.000 đồng số tiền bán số đề có được.

Số tiền tính trên phôi đề mà Lê Thị Phương A ghi bán cho các con bạc trong ngày 22/01/2018 là 7.272.000 đồng. Trong thời gian bán số đề, A hưởng lợi được 310.000 đồng.

Cáo trạng số 10/CT-VKS-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Lê Thị Phương A (tên gọi khác B) về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận có ghi bán số đề cho người dân tại ấp P, xã P và người dân Campuchia từ ngày 17/01/2018 đến ngày 22/01/2018 thì bị bắt. Số tiền huê hồng bị cáo được hưởng là 310.000 đồng. Việc ghi sổ bán có người trả tiền mặt có người ghi nợ. Trong số tiền 3.450.000 đồng Công an thu giữ trên người bị cáo có 1.000.000 đồng bị cáo mượn của bà T để mua vật tư phục vụ sản xuất; 500.000 đồng bị cáo mang theo để thối tiền cho người ghi sổ; 1.950.000 đồng là tiền bị cáo thu tiền ghi bán số đề. Bị cáo xin được nhận lại 1.000.000 đồng để trả cho bà T.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến về các lời khai này.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi và tính nguy hiểm cho xã hội; các tình tiết giảm nhẹ đã đề nghị tuyên bị cáo Lê Thị Phương A phạm tội “Đánh bạc” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng sử dụng vào việc đánh bạc; tịch thu hóa giá sung công quỹ chiếc điện thoại; tịch thu sung công quỹ số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 2.450.000 đồng và số tiền thu lợi bất chính 310.000 đồng; trả lại cho bị cáo 1.000.000 đồng vay mượn của bà T.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: Thống nhất với Cáo

trạng và phát biểu luận tội của Kiểm sát viên cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo. Bên cạnh đó, người bào chữa cho bị cáo còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh khó khăn của gia đình bị cáo, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có con nhỏ. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình và sớm trở thành công dân tốt cho xã hội.

Kiểm sát viên trình bày lời đối đáp: Khung hình phạt tù theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là 6 tháng đến 3 năm. Viện kiểm sát đề nghị mức án từ 6 tháng đến 9 tháng tù là đã xem xét đến tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để tuyên bản án phù hợp theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến tranh luận thêm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã bị tạm giam hơn 02 tháng, khoảng thời gian bị tạm giam bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai; lời khai này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến phản bác và cũng không yêu cầu triệu tập họ đến phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại các điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với nội dung Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang ngày 22/01/2018 của Công an xã P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Có cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày

22/01/2018, trong lúc bị cáo Lê Thị Phương A ghi bán số đề cho bà Trần Thị C tại nhà bà Lê Kim T (Thuộc ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang) thì bị lực lượng Công an xã P, huyện A bắt quả tang. Tổng số tiền ghi trên phôi đề là 7.257.000 đồng và 15.000 đồng bán cho bà C chưa ghi (Tổng cộng là 7.272.000 đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội*: Đây là vụ án đánh bạc bằng hình thức ghi đề, các con bạc đã lợi dụng vào kết quả mở thưởng của các công ty xổ số kiến thiết để ghi đề. Bị cáo A là người có sức khỏe và có khả năng lao động, có thể tìm việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và gia đình. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được, hành vi mua bán số đề là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích vật chất mà bị cáo cố ý thực hiện. Việc tham gia đánh bạc dưới hình thức ghi số đề là tệ nạn xã hội gây ra cảnh nhiều gia đình mất nhà cửa, phát sinh mâu thuẫn gia đình; nó còn là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác như: Trộm cắp, lừa đảo, cướp giật... Chính vì vậy, pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi đánh bạc trái phép là cũng nhằm đảm bảo tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước và làm ảnh hưởng lớn đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] *Về hình phạt*: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính 310.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, xét bị cáo ít am hiểu pháp luật; gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo đang nuôi cha già và con còn nhỏ, nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng thống nhất với quan điểm của người bào chữa, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà giao bị cáo cho bị cáo chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng có thể đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] *Về trách nhiệm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Hành vi mua số đề của bà Trần Thị C là hành vi đánh bạc nhưng giá trị nhỏ, nên Công huyện A xử phạt hành chính đối với bà C về hành vi “Đánh bạc” là có căn cứ và đúng pháp luật.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện A tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý các đối tượng tham gia đánh bạc theo lời khai của bị cáo Lê Thị Phương A để xử lý theo quy định của pháp luật, nhằm ổn định tình hình chính trị, trật tự trị an trên địa bàn huyện A nói riêng và cả nước nói chung.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo (Hộ cận nghèo), hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên thống nhất quan điểm Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Vật chứng còn lại gồm: 01 (một) cây viết mực màu tím; 02 (hai) giấy than (giấy cal); 01 (một) sim Vinaphone, số 89840 20002 15226 60981; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, IMEI 35983/06/706783/0; 01 (một) phoi đề; Tiền Việt Nam 3.760.000 đồng, được xử lý như sau:

Đối với cây viết, giấy than, sim điện thoại, phoi đề là công cụ phạm tội, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với điện thoại cũng là công cụ bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, xét còn giá trị nên tịch thu hóa giá thu tiền sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 3.450.000 đồng thu giữ trên người bị cáo khi bắt quả tang, có căn cứ xác định bị cáo mượn của bà Võ Thị T 1.000.000 đồng để sử dụng vào việc gia đình, nên trả lại cho bị cáo. Số tiền còn lại 2.450.000 đồng được xác định là tiền đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Ngoài ra, chị của bị cáo là bà Lê Thị T có nộp 310.000 đồng nhằm khắc phục số tiền thu lợi bất chính của bị cáo, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bà Lê Thị T tự nguyện giao nộp số tiền 310.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo, bà T không có yêu cầu bị cáo hoàn trả nên không đề cập giải quyết. Việc bị cáo vay mượn của bà T 1.000.000 đồng là quan hệ dân sự giữa bị cáo với bà T. Tại phiên tòa, bà T không có mặt nên không xem xét giải quyết. Nếu bà T và bị cáo có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[9] *Về chi phí tố tụng*:

Bị cáo có sổ hộ cận nghèo và đơn xin miễn án phí, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Phương A (tên gọi khác B) phạm tội: “*Đánh bạc*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Phương A (B): 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 19 tháng 4 năm 2018).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Lê Thị Phương A (B) tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội nào khác.

Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) cây viết mực màu tím;

+ 02 (hai) giấy than (giấy cal);

+ 01 (một) sim Vinaphone, số 89840 20002 15226 60981;

+ 01 (một) phoi đề.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, IMEI 35983/06/706783/0, màu trắng (đã qua sử dụng).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/3/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

- Lưu hồ sơ phiếu ghi đề (từ bút lục từ 60 đến 100).

- Tịch thu sung công quỹ số tiền 2.760.000 (hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Giao trả cho bị cáo Lê Thị Phương A số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

(Theo Biên lai thu tiền số AA/2011/007157 ngày 04/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A).

Căn cứ Điều 135, 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện A (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện A (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND xã P (1);
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trần Văn Sáu